

Phụ lục 01.

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép số 01 /GPMT-UBND ngày 18 /01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại mỏ.

Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh khi lượng nước mưa chảy qua bề mặt bãi tập kết quặng và nước thải khu vực hầm lò.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải:

- Dòng thứ 01: Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 05 m³/ngày.đêm được dẫn theo đường ống D60 với chiều dài khoảng 200m chảy ra suối Mai Sao.

- Dòng thứ 02: Nước thải sản xuất (nước thải công nghiệp) sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm được dẫn theo đường ống D60 với chiều dài khoảng 200m chảy ra suối Mai Sao.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Mai Sao (thuộc địa phận xã Nhân Lý, tỉnh Lạng Sơn).

2.3. Vị trí xả nước thải: toàn bộ dòng nước thải được xả thải ra 01 vị trí tại suối Mai Sao thuộc thôn Sao Hạ, xã Nhân Lý, tỉnh Lạng Sơn.

2.4. Tọa độ vị trí xả thải của Dự án (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰15', múi chiếu 3⁰): X = 2401629; Y = 434512.

2.5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Đối với nước thải sinh hoạt: 4 m³/ngày.đêm (tương đương 0,167 m³/giờ).

- Đối với nước thải công nghiệp: 48,9 m³/ngày.đêm (tương đương 2,04 m³/giờ).

- Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý được dẫn theo đường ống D60 với chiều dài khoảng 200m ra suối Mai Sao.

2.6. Chế độ xả nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: liên tục (24 giờ).

- Đối với nước thải công nghiệp: xả thải gián đoạn.

2.7. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Đối với nước thải sinh hoạt: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu cột B, QCVN 14:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải khu đô thị, khu dân cư tập trung trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Cụ thể:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	mg/L	5-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	BOD ₅	mg/L	≤30		
3	TSS	mg/L	≤100		
4	COD	mg/L	≤60		
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	≤8,0		
6	Tổng N (T-N)	mg/L	≤30		
7	Tổng P (T-P)	mg/L	≤3,0		
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤5.000		
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	≤0,5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤5,0		

- Đối với nước thải công nghiệp: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu cột B, QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Cụ thể:

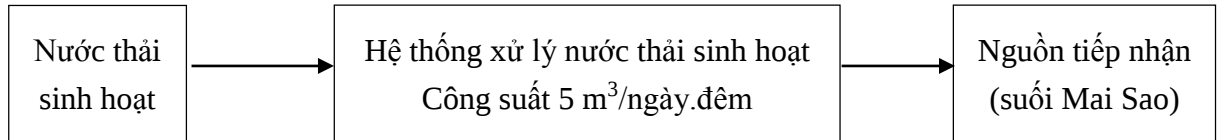
STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	mg/L	6-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	BOD ₅	mg/L	≤60		
3	TSS	mg/L	≤80		
4	COD	mg/L	≤90		
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	≤10		
6	Độ màu	mg/L	≤100		
7	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤5,0		
8	Tổng N	mg/L	≤40		
9	Tổng P	mg/L	≤14		
10	Sunfua	mg/L	≤0,5		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤5000		
12	Cu	mg/L	≤3,0		
13	As	mg/L	≤0,25		
14	Hg	mg/L	≤0,005		
15	Fe	mg/L	≤10		
16	Sb	mg/L	≤0,2		

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

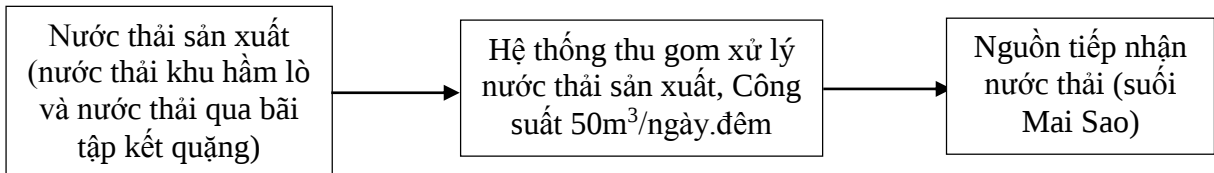
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên Công ty tại khu điều hành, nhà vệ sinh được dẫn theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải công suất 05 m³/ngày.đêm để xử lý đạt cột B, QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải khu đô thị, khu dân cư tập trung trước khi xả ra suối Mai Sao. Sơ đồ mạng lưới thu gom, xử lý nước thải như sau:

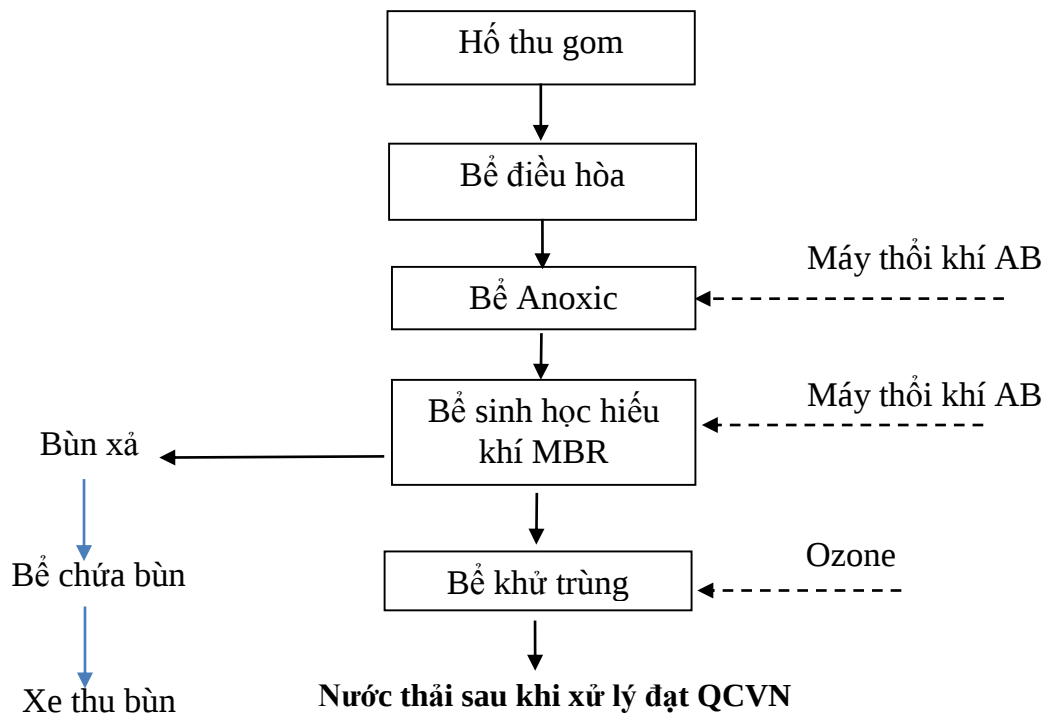


Nước thải sản xuất (nước thải công nghiệp): chủ yếu là nước mưa ngấm qua tầng đất mặt trên khu khai thác hầm lò, thiết kế hệ thống rãnh thu nước (kích thước rãnh: 150m x 0,6m x 0,6m, bố trí bơm thoát nước) và một phần nước chảy tràn trên bề mặt khu bãi tập kết quặng được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày.đêm để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra suối Mai Sao. Sơ đồ mạng lưới thu gom, xử lý nước thải như sau:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

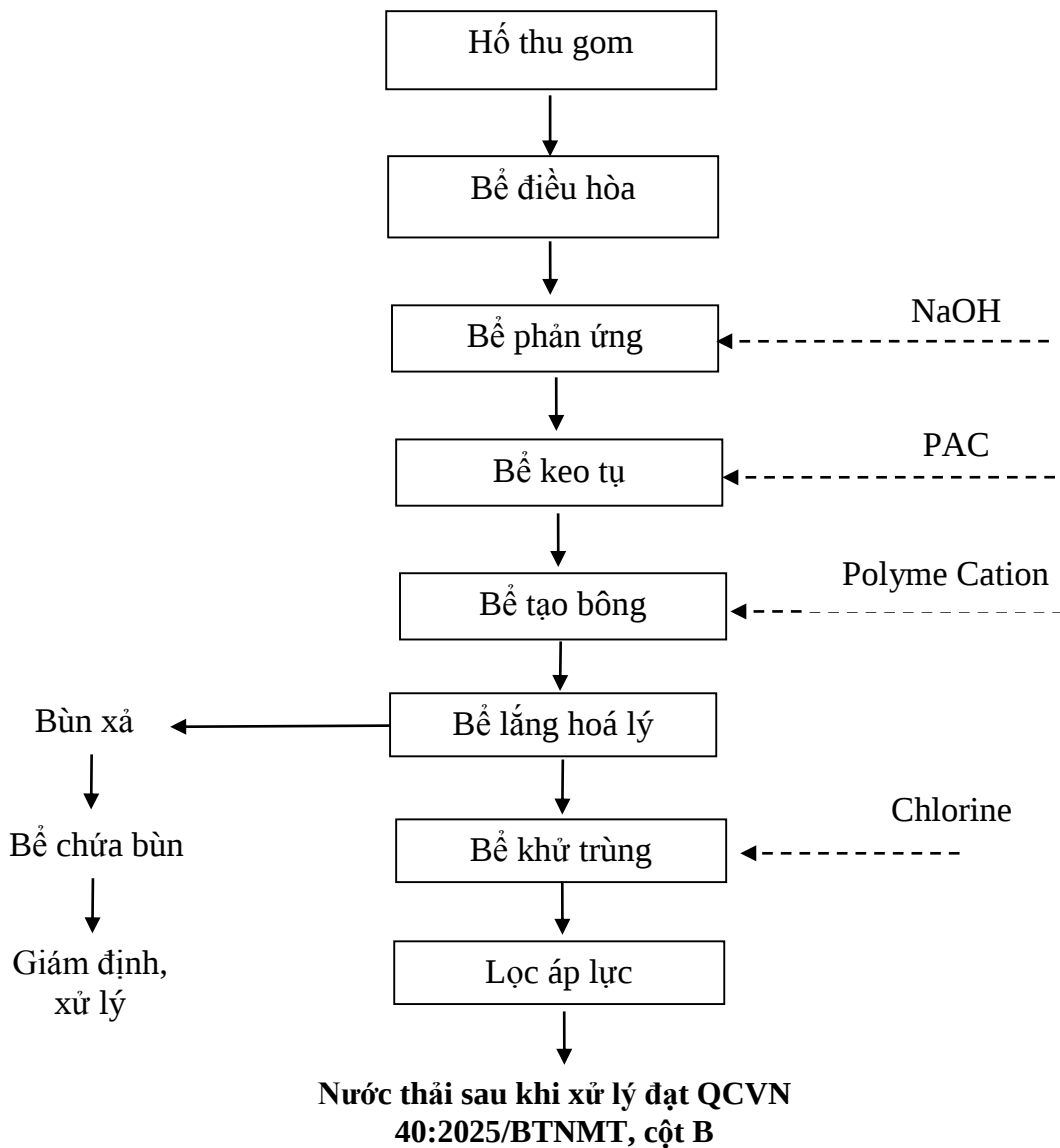
- Đối với nước thải sinh hoạt: xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 05 m³/ngày.đêm. Sơ đồ thu gom, xử lý theo quy trình công nghệ như sau:



Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt gồm các bể xử lý: bể thu gom nước thải; Bể điều hòa (có chức năng điều hoà lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm); Bể

xử lý thiếu khí Anoxic (khử N, P); Bể xử lý hiếu khí MBR (xử lý BOD và COD có màng lọc sinh học); Bể khử trùng; Bể chứa bùn.

- *Đối với nước thải công nghiệp*: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 50m³/ngày.đêm. Sơ đồ thu gom, xử lý theo quy trình công nghệ như sau:



Quy trình xử lý nước thải công nghiệp gồm các bể xử lý: bể thu gom nước thải; Bể điều hòa (có chức năng điều hoà lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm); Bể phản ứng (sử dụng NaOH tăng độ pH); Bể keo tụ (sử dụng hóa chất keo tụ PAC để keo tụ các hạt lơ lửng); Bể tạo bông (sử dụng Polyme Anion, Polyme trợ keo tụ giúp liên kết các hạt nhỏ thành bông lớn, kim loại nặng lắng xuống đáy bể kết hợp khuấy trộn tạo bông cặn lớn hơn); Bể lắng hóa lý (lắng cặn bông, bùn); Bể khử trùng (sử dụng máy Ozone); Bể chứa bùn.

2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải sản xuất, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, hiệu quả xử lý cao. Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải cũng như các hệ thống xử lý kỹ thuật khác.

- Thường xuyên tổ chức nạo vét hệ thống cấp thoát nước, tránh hiện tượng tắc nghẽn gây ngập úng khi có mưa lớn. Tần suất nạo vét 01 tháng/lần.

- Ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất (NaOH, PAC, Polyme Cation, Chlorine): hóa chất được lưu chứa trong kho riêng biệt, có mái che, nền chống thấm, gờ chắn tràn và rãnh thu gom sự cố; thùng, bồn chứa hóa chất làm bằng vật liệu phù hợp, có nhãn cảnh báo, nắp kín, van khóa an toàn. Trang bị khay/bể chứa dự phòng (secondary containment) đảm bảo dung tích $\geq 110\%$ thể tích bồn chứa lớn nhất. Lắp đặt hệ thống định lượng tự động, hạn chế thao tác thủ công. Định kỳ kiểm tra tình trạng bồn chứa, đường ống, van, khớp nối trong suốt quá trình vận hành. Trường hợp sự cố vượt khả năng kiểm soát, báo cáo ngay cho cơ quan chức năng, kịp thời khắc phục theo quy định.

- Ứng phó sự cố hư hỏng công trình: các hạng mục công trình (bể xử lý, mương dẫn, nền móng, tường chắn) được thi công đúng thiết kế, có chống thấm và gia cố kết cấu. Thường xuyên kiểm tra hiện tượng nứt, lún, thấm nước trong quá trình vận hành thử nghiệm, không vận hành vượt công suất thiết kế.

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải phải dừng ngay hoạt động của hạng mục xảy ra sự cố, cô lập khu vực, bố trí rào chắn và biển cảnh báo. Thực hiện gia cố, sửa chữa kịp thời và chỉ đưa công trình vào vận hành lại sau khi được kiểm tra, nghiệm thu đảm bảo an toàn. Trường hợp sự cố có nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường, báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

3. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

3.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm cụ thể như sau:

Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất đạt được dự kiến
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Sau khi được cấp Giấy phép môi trường	06 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	50% công suất
Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	Sau khi được cấp Giấy phép môi trường	06 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	50% công suất

Chủ dự án phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Hệ thống xử lý nước thải công suất 05 m³/ngày.đêm.

- Vị trí lấy mẫu gồm 02 vị trí, cụ thể:

+ Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải;

+ Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°15', múi chiếu 3°): X= 2401629; Y= 434512

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	mg/L	5-9
2	BOD ₅	mg/L	≤30
3	TSS	mg/L	≤100
4	COD	mg/L	≤60
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	≤8,0
6	Tổng N (T-N)	mg/L	≤30
7	Tổng P (T-P)	mg/L	≤3,0
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤5.000
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	≤0,5
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤15
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤5,0

- *Tần suất lấy mẫu*: thực hiện quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra), cụ thể:

Vị trí giám sát	Chỉ tiêu đo đạc, quan trắc	Quy chuẩn so sánh	Số lượng mẫu
Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	pH; Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20 ⁰ C); Nhu cầu oxy hóa học (COD); Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N); Tổng Nitơ (T-N); Tổng Photpho (T-P); Tổng Coliforms; Sunfua (S ²⁻); Dầu mỡ động, thực vật; Chất hoạt động bề mặt anion.	Cột B, QCVN 14:2025/BT NMT	01 mẫu đơn
Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải			03 mẫu đơn

Chủ dự án phải phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả của công trình xử lý chất thải. Việc quan trắc chất thải phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để được kiểm tra quá trình vận hành thử nghiệm.

b) Đối với nước thải công nghiệp: Hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm.

- *Vị trí lấy mẫu gồm 02 vị trí, cụ thể:*

+ Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải;

+ Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰15', múi chiếu 3⁰): X= 2401629; Y = 434512

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	mg/L	6-9
2	BOD ₅	mg/L	≤60
3	TSS	mg/L	≤80
4	COD	mg/L	≤90
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	≤10
6	Độ màu	mg/L	≤100
7	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤5,0
8	Tổng N	mg/L	≤40
9	Tổng P	mg/L	≤14
10	Sunfua	mg/L	≤0,5
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤5000
12	Cu	mg/L	≤3,0
13	As	mg/L	≤0,25
14	Hg	mg/L	≤0,005
15	Fe	mg/L	≤10
16	Sb	mg/L	≤0,2

- *Tần suất lấy mẫu:* thực hiện quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 02 mẫu nước thải đầu ra), cụ thể:

Vị trí giám sát	Chỉ tiêu đo đạc, quan trắc	Quy chuẩn so sánh	Số lượng mẫu
Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	pH; Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20 ⁰ C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Nhu cầu oxy hóa học (COD); Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N); Độ màu; Dầu mỡ khoáng; Tổng Nitơ (T-N); Tổng Photpho (T-P); Tổng Coliforms; Sunfua (S ²⁻); Kim loại nặng (Cu, As, Hg, Fe, Sb)	Cột B, QCVN 40:2025/BT NMT	01 mẫu đơn
Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải			03 mẫu đơn

Chủ dự án phải phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả của công trình xử lý chất thải. Việc quan trắc chất thải phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất

lượng sản phẩm, hàng hóa; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để được kiểm tra quá trình vận hành thử nghiệm.

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần I Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các nội dung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án; các nội dung cam kết trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình vận hành./.

Phụ lục 02.
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép số 01 /GPMT-UBND ngày 18 /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng TB (kg/tháng)
1	Găng tay, giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	1
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	0,5
3	Dầu thải	Lỏng	17 02 03	03
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	02
5	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	02
6	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	01
7	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	0,5
Tổng				10

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường là đất đá thải từ bóc tạo tầng khai thác, phát sinh 316.000m³.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 30kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

2.1. Công trình, thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

- Thiết bị: bố trí các thùng chứa CTNH có dán mã và tên các loại CTNH.
- Kho: bố trí kho chứa CTNH tạm thời diện tích 19,98 m².

2.2. Công trình, thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị: bố trí 02 thùng rác, dung tích mỗi thùng 120L. Rác thải thực phẩm (thức ăn thừa) được công nhân đem về làm thức ăn chăn nuôi.
- Kho: không bố trí.

2.3. Công trình, thiết bị lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bãi chứa đất đá phát sinh từ bóc tầng khai thác có diện tích 1.000m², tận dụng cho hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường của dự án.

II. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Chủ cơ sở có trách nhiệm đảm bảo an toàn và thực hiện các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố các công trình xử lý chất thải; chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường và đền bù thiệt hại khi để xảy ra sự cố môi trường theo các quy định pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 03.

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số 01 /GPMT-UBND ngày 18 /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

Chi tiết các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác khoáng sản tại dự án:

TT	Khu vực/công việc CTPHMT		Đơn vị	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Dự kiến hoàn thành	Ghi chú
1	Khu vực khai trường khai thác lộ thiên						
1.1	Củng cố bờ mỏ sau khai thác	Cải tạo mặt tầng, sườn tầng theo đúng thiết kế đã được phê duyệt	m³	632	Năm thứ 10	01 tuần	Ngay sau khi kết thúc khai thác
		Vận chuyển đất, đá san lấp 02 hố lũng	m³	632		02 tuần	Theo tiến độ củng cố ổn định bờ mỏ
1.2	Cải tạo khu vực đáy khai trường	Vận chuyển đất từ bãi thải đất đá đến san lấp đáy khai trường	m³	315.368	Năm thứ 10	05 ngày	
		San gạt (chiều dày 0,5m)	m³	315.368		05 ngày	
		Cải tạo hệ thống rãnh thoát nước chảy tràn bề mặt khu lộ thiên	m²	160		01 ngày	
		Trồng và chăm sóc cây keo (mật độ trồng 2.000 cây/ha)	Cây	4.420			
2	Khu vực khai thác hầm lò						
	Cải tạo đường lò, cửa lò	Chèn lấp bịt cửa lò, miệng giếng lò	Cái	02	Sau khi kết thúc khai thác	02 tuần	Ngay sau khi kết thúc khai thác
		Vận chuyển đá	m³	100		01 tuần	
		Lập hàng rào quanh cửa lò	m	24		01 tuần	
		Lắp biển báo	Cái	5		01 tuần	
3	Kho vật liệu nổ, Kho CTNH						

TT	Khu vực/công việc CTPHMT		Đơn vị	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Dự kiến hoàn thành	Ghi chú
	Tháo dỡ kho vật liệu nổ công nghiệp, kho CTNH, Trạm cân	Vận chuyển VLNCN dư thừa đến nhà cung cấp; hủy VLNCN mất phẩm chất	-	-	Sau khi kết thúc khai thác	1 tháng	Sau khi hoàn thành các công tác hoàn thổ, chèn lấp
		Tháo dỡ toàn bộ kho VLNCN, Trạm cân, kho CTNH	m ²	84,58		2 tuần	
		Tháo dỡ hàng rào thép gai	m	24		02 ngày	
		Tháo dỡ cột đỡ hàng rào	Cột	6		02 ngày	
4	Tháo dỡ công trình hệ thống xử lý nước thải						
4.1	Tháo dỡ công trình xử lý NTSH công suất 05 m ³ /ngày.đêm	Tháo dỡ các module xử lý, thanh lý tài sản	m ²	5		01 tuần	
4.2	Tháo dỡ công trình xử lý NTSX công suất 50 m ³ /ngày.đêm	Tháo dỡ các module xử lý, thanh lý tài sản	m ²	60		01 tuần	
5	Cải tạo tuyến đường ngoại mở						
	Cải tạo 300m tuyến đường vào mỏ	Rải mặt đường cấp phối đá dăm	m ²	450		01 tháng	

2. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường của dự án:

TT	Nội dung công việc	Thành tiền
1	Cải tạo khu vực khai trường lộ thiên	54.135.669
-	Cải tạo củng cố ổn định bờ mỏ và san lấp 02 hố lắng nước mưa chảy tràn	2.018.833
-	San gạt phủ đất đáy khai trường (chiều dày 0,3m)	7.353.925
-	Cải tạo hệ thống rãnh thoát nước xung quanh khu khai thác lộ thiên	1.722.439
-	Trồng và chăm sóc cây keo (4.420 cây) phủ xanh diện tích khai trường và khu phụ trợ (trạm cân)	7.862.000
-	Chèn lấp bịt miệng giếng lò, hầm lò bằng các tấm BTCT hoặc các tấm thép, gia cố bằng đá, lấp đặt biển báo	35.178.472
2	Cải tạo khu vực phụ trợ	2.579.132
-	Tháo dỡ, phá dỡ các hạng mục công trình trên mặt bằng (kho CTNH, kho VLNCN, Trạm cân)	1.289.566

TT	Nội dung công việc	Thành tiền
-	Tháo dỡ công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 5m ³ /ngày.đêm và công suất 50m ³ /ngày.đêm	1.289.566
3	<i>Cải tạo tuyến đường vận tải ngoài mỏ</i>	15.871.860
-	Cải tạo mặt đường trên tuyến đường vào mỏ (300m)	15.871.860
	Tổng số tiền CTPHMT	72.586.661

Tổng số tiền cải tạo, phục hồi môi trường (làm tròn): **72.586.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu, năm trăm tám mươi sáu đồng). Chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

3. Phương thức, thời điểm ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

3.1. Phương thức ký quỹ:

Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của dự án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 48/QĐ-UBND tỉnh Lạng Sơn ngày 22/03/2011 là: 30.660.000 đồng. Công ty cổ phần Hữu nghị Xuân Cương đã thực hiện ký quỹ và có Giấy Xác nhận số 37/XN-QBVMТ ngày 01/4/2011 của Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Lạng Sơn với tổng số tiền: 30.660.000 đồng. Số tiền còn lại phải thực hiện ký quỹ theo Phương án mới là: $(72.586.661 - 30.660.000) = 41.926.661$ đồng (làm tròn: 41.926.000 đồng).

Do thời hạn khai thác khoáng sản còn hiệu lực theo Giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty dưới 10 năm (đến ngày 26/10/2030 hết hạn Giấy phép), Căn cứ quy định tại khoản 5 điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ:

Số tiền ký quỹ lần đầu bắt đầu tính từ năm 2026 (A): $A = 41.926.000$ đồng $\times 25\% = 10.481.500$ đồng (chưa bao gồm yếu tố trượt giá).

Số tiền ký quỹ hàng năm (từ năm 2027 - 2030): $(41.926.000 - 10.481.500 \text{ đồng})/4 = 7.861.125$ (đồng/năm) (chưa bao gồm yếu tố trượt giá).

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Căn cứ vào giá cả thực tế tại mỗi thời điểm ký quỹ mà hàng năm Công ty sẽ nộp khoản tiền ký quỹ có tính đến hệ số trượt giá.

3.2. Thời điểm ký quỹ, đơn vị nhận tiền ký quỹ:

Chủ dự án sẽ thực hiện ký quỹ lần đầu trong năm 2026 (trong vòng 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường). Việc ký quỹ từ các lần tiếp theo chủ dự án sẽ thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cho dự án sẽ được ký quỹ vào Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn. Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và được tính từ thời điểm bắt đầu ký quỹ.

B. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo nội dung Giấy phép môi trường này và các quy định hiện hành; tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định.

3. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giám sát việc vận hành các công trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành; bảo đảm đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, các công trình xử lý chất thải của dự án.

4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả chất thải không bảo đảm các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính đối với việc xả chất thải ra môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung cam kết, các trách nhiệm của Chủ dự án sau khi được cấp Giấy phép môi trường và các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình vận hành. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.